

Bản án số: 08/2022/ HSST.

Ngày: 24/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hợi – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Vũ Thị Lệ – Phó Bí thư huyện đoàn Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải, cán bộ Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Ông Man Anh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 177/2020/HSST, ngày 29 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07/06/1995, tại Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; HKTT và nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1973 và bà Nghiêm Thị C, sinh năm 1975; Chưa có vợ con; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 30/9/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ và lưu giam Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- **Người bị hại:** Cháu Nguyễn Thị TT, sinh 10/01/2008 (Có đơn xin xét xử vắng mặt). Trú tại: Xóm HB, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:**

1. Bà Nguyễn Ngọc Q – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).
2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 (Có mặt).

Trú tại: Xóm HB1, xã T, huyện P

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H, sinh 1973
Trú tại: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Thế A, sinh 1977(Vắng mặt).
Trú tại: Xóm HB, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng thời điểm giữa tháng 8/2021 thông qua mạng xã hội Zalo Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Trú tại: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã sử dụng tài khoản Zalo có tên là “T Ólala” để kết bạn và làm quen với tài khoản có tên “TT”, chủ tài khoản là cháu Nguyễn Thị TT, sinh ngày 10/01/2008; Trú tại: Xóm HB1, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình trò chuyện qua mạng Zalo T và cháu TT đã nảy sinh tình cảm yêu đương, rồi nhiều lần hò hẹn rủ nhau đi chơi. Ngày 27/9/2021 T mượn xe mô tô của gia đình, điều khiển đi đến khu vực cổng nhà cháu TT rồi đón cháu TT đi chơi, trên đường đi thì gặp ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của cháu TT. Vì nghi ngờ T đã dụ dỗ con gái mình đi chơi, nên ông B đã giữ T lại đưa đến Công an xã T, huyện P thì được T và cháu TT tự khai nhận trong khoảng thời gian từ giữa tháng 8/2021 đến ngày 18/9/2021 đã nhiều lần quan hệ tình dục với nhau, cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 8/2021 không nhớ được ngày cụ thể, lúc đó vào khoảng hơn 20 giờ T và cháu TT hẹn gặp nhau theo sự chỉ dẫn của cháu TT, T điều khiển xe mô tô mượn của gia đình đi đến khu vực Xóm HB1, xã T, huyện P đón cháu TT, sau đó đi vào khu vực đường đê kênh đào thuộc địa phận xóm V, xã L, huyện P thì dừng lại nói chuyện. Tại đây, T nảy sinh ý định muốn giao cấu tình dục với cháu TT, T hỏi ý kiến cháu TT về việc giao cấu thì được cháu TT đồng ý, sau đó T dùng tay kéo quần của cháu TT đang mặc xuống đến ngang đầu gối, rồi bế cháu TT ngồi trên yên xe mô tô của T đang dựng bằng chân chống phụ trên đường đê, hai chân cháu TT buông xuống sườn xe bên phải, sau đó T tự tụt quần của mình đang mặc đến ngang đầu gối, đứng trên mặt đường đối diện với cháu TT. Lúc này, T đưa dương vật đã cương cứng vào trong âm đạo của cháu TT, dùng hai tay ôm giữ cháu TT và giao cấu được khoảng 4 đến 5 phút thì xuất tinh dịch vào trong âm đạo của cháu TT, sau đó cả hai tự mặc lại quần áo rồi đưa nhau về nhà.

Lần thứ hai: Sau khoảng 05 ngày so với lần giao cấu thứ nhất, lúc đó vào khoảng 20 giờ T và cháu TT hẹn nhau đi chơi, T điều khiển xe mô tô mượn của gia đình đến đón cháu TT rồi đưa đến khu vực đường đê kênh đào thuộc xóm V, xã L, huyện P, cách vị trí của lần giao cấu thứ nhất 134,20m về phía Nam. Tại đây, T

giao cầu với cháu TT lần thứ hai như tư thế giao cầu của lần thứ nhất, được khoảng một lúc thì T xuất tinh vào trong âm đạo của cháu TT sau đó T lấy xe mô tô đưa cháu TT về nhà.

Lần thứ ba: Cách khoảng 6 đến 7 ngày sau lần giao cầu thứ hai, lúc đó khoảng 08 giờ T điều khiển xe mô tô mượn của gia đình đi đến đón cháu TT, rồi đưa vào khu vực hồ Trại Gạo thuộc xóm VN, xã TH, huyện P. Trên đường đi, T bị lạc đường nên đi vào khu vực đường ven đồi, có mương dẫn nước ở giữa đường. Tại đây, T và cháu TT dừng lại ôm hôn nhau trên xe mô tô, sau đó T bế cháu TT đi vào khu vực ven đồi cây keo cách vị trí dựng xe mô tô 24,9 m về phía Đông Nam. T và cháu TT tự cởi quần áo rồi giao cầu với nhau trong tư thế cháu TT đứng thẳng, T đứng đối diện, hai chân trùng xuống, T đưa dương vật đã cương cứng vào trong âm đạo của cháu TT rồi giao cầu được khoảng 05 phút thì rút ra và xuất tinh ra ngoài, sau đó cả hai lại lấy xe đưa nhau đi về.

Lần thứ tư: Sau lần giao cầu thứ ba khoảng 05 đến 06 ngày, lúc đó khoảng 13 giờ T vẫn đi xe mô tô lần trước đến đón cháu TT đi chơi rồi đưa cháu TT vào nhà nghỉ Duy Nhật thuộc xóm Q, xã T, huyện P, sau đó cả hai vào thuê phòng nghỉ số 03 ở tại tầng một của dãy nhà hai tầng. Tại đây T và cháu TT tự cởi quần áo cùng nhau lên giường, cháu TT thì nằm ngửa còn T thì quỳ hai chân trên giường ngay phía dưới hai chân của cháu TT sau đó T đưa dương vật đã cương cứng vào trong âm đạo của cháu TT rồi giao cầu được khoảng 05 phút thì xuất tinh vào trong âm đạo của cháu TT. Sau khi giao cầu xong cả hai đi vệ sinh cá nhân rồi ra mặc quần áo đưa nhau đi về.

Lần thứ năm và thứ sáu: Sau lần giao cầu thứ tư khoảng 05 ngày, lúc đó khoảng 13 giờ, T điều khiển xe mô tô của gia đình đến đón cháu TT đi chơi rồi đưa cháu TT vào nhà nghỉ Duy Nhật thuộc xóm Q, xã T, huyện P. T và cháu TT tiếp tục thuê phòng nghỉ số 03 ở tầng 1 như lần giao cầu trước. Tại giường ngủ trong phòng số 03, T giao cầu với cháu TT hai lần. Lần một T sử dụng bao cao su để quan hệ với cháu TT rồi xuất tinh vào trong bao cao su. Lần hai sau lần thứ nhất một lúc T tiếp tục giao cầu với cháu TT ở trên giường, lúc đầu T đeo bao cao su, khi đang quan hệ tình dục thì thấy đau dương vật lên T đã bỏ bao cao su ra rồi tiếp tục giao cầu sau đó xuất tinh ra ngoài âm đạo của cháu TT. Quan hệ xong T vứt vỏ bao cao su vào trong bồn cầu rồi xả nước sau đó ra lấy xe mô tô đưa cháu TT về nhà.

Lần thứ bảy: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/9/2021, T đón cháu TT ở tại khu vực cổng trường mầm non xã T, huyện P rồi tiếp tục đưa cháu TT đến nhà nghỉ Duy Nhật để thực hiện hành vi giao cầu. Lần này T thuê phòng số 106 nằm tại tầng

hai cửa dãy nhà hai tầng. Tại giường ngủ trong phòng 106 T giao cầu với cháu TT một lần trong tư thế cháu TT nằm ngửa còn T nằm sắp đè lên người cháu TT để giao cầu sau khoảng một lúc thì xuất tinh dịch vào trong âm đạo của cháu TT sau đó T lại đưa cháu TT về nhà.

Biết được sự việc trên ngày 27/9/2021, ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966, trú tại xóm Hòa Bình, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là bố đẻ của cháu TT đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi thụ lý đơn Công an xã T chuyển toàn bộ hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 28/9/2021, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trưng cầu giám định số 256 và 257, gửi Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên để giám định về bộ phận sinh dục và tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với cháu Nguyễn Thị TT.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 59/TD ngày 28/9/2021, của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Màng trinh đã rách, vết rách cũ tại vị trí 3h, 9h, hiện tại không tìm thấy hình ảnh tinh trùng và xác tinh trùng trên tiêu bản soi tươi. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 721/TgT ngày 28/9/2021 kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Hiện tại không có thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0% (không phần trăm).

Ngày 16/11/2021, tại phòng khám siêu âm 4 chiều sản phụ khoa Đỗ Thị Huệ - Địa chỉ phố Chợ Đồn, xã Kha Sơn, huyện P khám và kết luận cháu Nguyễn Thị TT hình ảnh siêu âm tử cung phần phụ bình thường.

Quá trình điều tra, cháu TT thừa nhận có tình cảm yêu đương và tự nguyện giao cầu với bị cáo T trong các lần nêu trên. Tính đến ngày T thực hiện hành vi phạm tội thì cháu TT được hơn 13 tuổi và dưới 16 tuổi. Do cháu TT dưới 16 tuổi nên gia đình cháu TT đã thống nhất cử ông Nguyễn Văn B, là bố đẻ cháu TT làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu TT khi tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Đồng thời Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử bà Nguyễn Ngọc Q là trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Thị TT.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của T là có căn cứ, phù hợp với nội dung đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; kết luận giám định; lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng; lời khai bản cung của bị cáo T cùng các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen, màn hình bị vỡ, IMEI (sim 1): 868595040673758, IMEI (sim 2): 868595040673741 lắp thẻ sim thuê bao số 0974.823.721 (niêm phong trong phong bì ký hiệu ĐTT); 01 khẩu trang y tế màu trắng có in chữ “Vân Anh” (niêm phong trong bì giấy ký hiệu K). Đối với các xe mô tô T dùng làm phương tiện để đưa đón cháu TT. Quá trình điều tra xác định T đều mượn của gia đình và không nói dùng vào mục đích phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T do đang bị tạm giam, nên đã tác động qua điều tra viên nói với gia đình bồi thường danh dự, nhân phẩm cho cháu Nguyễn Thị TT. Ngày 02/12/2021 ông Nguyễn Đức H và bà Nghiêm Thị C là bố, mẹ đẻ bị cáo T đã đến bồi thường cho gia đình cháu TT số tiền 40.000.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Văn B là bố đẻ cháu TT đã nhận khoản tiền trên và làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT – VKSPB ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Áp dụng: điểm a Khoản 2 Điều 145; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 36 đến 42 tháng tù.

Về phần dân sự: Đã giải quyết xong.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen, màn hình cảm ứng đã vỡ cũ, đã qua sử dụng, được niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu ĐTT.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu K ngoài bì thư có ghi 01 khẩu trang y tế màu trắng đã qua sử dụng, in chữ Vân Anh.
- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Thị TT đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án 05 năm tù; Nhắc nhở về phần bồi thường mà bị cáo đã thanh toán xong đối với đại diện hợp pháp cho cháu TT.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên - Cơ quan điều tra công an huyện P; của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định, lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ xác định: Thông qua mạng xã hội Zalo Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Thị TT kết bạn với nhau rồi nảy sinh tình cảm yêu đương. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 8 năm 2021 đến ngày 18/9/2021, T và cháu TT đã thực hiện hành vi giao cấu (quan hệ tình dục) với nhau tổng cộng 07 lần cụ thể: Lần thứ nhất và lần thứ hai T và cháu TT quan hệ tình dục với nhau tại khu vực bờ đê kênh đào thuộc xóm V, xã L, huyện P. Lần thứ 3 T và cháu TT quan hệ tình dục với nhau tại khu vực đồi cây keo, cạnh hồ Trại Gạo thuộc xóm Vàng Ngoại, xã TH, huyện P. Lần thứ 4, 5, 6 T và cháu TT quan hệ tình dục với nhau tại phòng số 03, tầng 1 nhà nghỉ Duy Nhật, thuộc xóm Q, xã T, huyện P. Lần thứ 7 T và cháu TT tiếp tục quan hệ tình dục với nhau tại phòng số 106, tầng 2, nhà nghỉ Duy Nhật, thuộc xóm Q, xã T, huyện P. Tính đến ngày T thực hiện hành vi phạm tội và bị phát hiện cháu TT được hơn 13 tuổi và dưới 16 tuổi.

Như vậy, hành vi giao cấu của Nguyễn Văn T đối với cháu Nguyễn Thị TT đã phạm vào tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm

2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của Pháp luật.

Điểm a, khoản 2, Điều 145 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;”

[3]. Xét về ý thức chủ quan bị cáo không ảnh hưởng gì về thể chất và tinh thần, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình đã gây ra.

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp là tội phạm nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức rõ việc giao cấu với Nguyễn Thị TT, khi cháu TT chưa đủ tuổi thành niên, gây tổn hại đến tâm, sinh lý, đạo đức, nhân cách của cháu. Lợi dụng sự ngây thơ, thiếu kinh nghiệm sống của cháu TT để giao cấu với cháu. Nên Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi thực hiện tội phạm của mình, tự thú và khắc phục hậu quả, người đại diện hợp pháp cho cháu TT có đơn xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về phần dân sự: Đã giải quyết xong.

[6]. Xét đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P về hình phạt cũng như các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

[8]. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 145; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Nguyễn Văn T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2021.

2. Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về phần dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen, màn hình cảm ứng đã vỡ cũ, đã qua sử dụng, được niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu ĐTT.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu K ngoài bì thư có ghi 01 khẩu trang y tế màu trắng đã qua sử dụng, in chữ Vân Anh.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận ngày 05/01/2022 giữa Công an huyện P và Thị hành án dân sự huyện P).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại; Vắng mặt bị hại là cháu Nguyễn Thị TT. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với những người có mặt; Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã T, huyện P là nơi cư trú cuối cùng của cháu Nguyễn Thị TT.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- Nhà tạm giữ Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo; Bị hại; Người đại diện hợp pháp cho bị hại.
- Người BVQ& lợi ích cho bị hại;
- Lưu: HS, VP, T.H.A; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Thái